

Số: 402/TB-YHCT

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 05 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc yêu cầu báo giá Vị thuốc cổ truyền

Kính gửi: Các Công ty sản xuất, kinh doanh Vị thuốc cổ truyền.

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BYT ngày 17 tháng 03 năm 2015 của Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17 tháng 05 năm 2024 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BYT ngày 06 tháng 09 năm 2024 của Bộ Y tế Hướng dẫn phương pháp chế biến dược liệu và vị thuốc cổ truyền;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Công văn số 4968/SYT-NVD ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp về việc chủ trương đấu thầu vị thuốc dược liệu, oxy y tế và khí carbonic giai đoạn 2025-2027.

Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua vị thuốc cổ truyền sử dụng cho các cơ sở y tế trong tỉnh giai đoạn 2025-2027 (thời gian thực hiện hợp đồng 24 tháng), với nội dung cụ thể như sau:

1. Bảng báo giá: Theo mẫu đính kèm và được xác nhận bởi người đại diện pháp luật của công ty.

2. Hình thức gửi báo giá:

- Gửi bản giấy qua địa chỉ: Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp, số 78 đường 30 tháng 4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Gửi file mềm excel qua địa chỉ email: tothaubvyhct87013@gmail.com.

3. Thời gian nhận báo giá: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày **05/06/2025**.

Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày báo giá.**

Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp kính mời Quý Công ty quan tâm vui lòng gửi báo giá trong thời gian quy định.

Mọi chi tiết, xin vui lòng liên hệ Ông Nguyễn Thanh Tú – Tổ Trưởng Tổ chuyên gia; số điện thoại: 0907720207.

Xin trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Đăng Website b/viện;
- Lưu: VT, TCG.

GIÁM ĐỐC 

Huỳnh Kim Lâm

PHỤ LỤC DANH MỤC VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN YÊU CẦU BẢO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số: 402/TB-YHCT ngày 26 tháng 05 năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp)

Stt	STT TT05	Tên vị thuốc theo TT 05	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT	Nguồn gốc	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
		I. Nhóm phát tán phong hàn									
1	1	Bạch chỉ	Rễ củ	<i>Radix Angelicae dahuricae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	155	
2	4	Kinh giới	Toàn thân	<i>Herba Elsholiziae ciliatae</i>	Sao cháy	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	426	
3	6	Quế chi	Cành	<i>Ramulus Cinnamomi</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	1.078	
		II. Nhóm phát tán phong nhiệt								-	
4	17	Cúc hoa	Cụm hoa	<i>Flos Chrysanthemi indic</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	160	
5	27	Sài hồ	Rễ	<i>Radix Bupleuri</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	74	
6	29	Thăng ma	Thân rễ	<i>Rhizoma Cimicifugae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	16	
		III. Nhóm phát tán phong thấp								-	
7	35	Dây đau xương	Thân	<i>Caulis Tinosporae tomentosae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	118	
8	37	Độc hoạt	Rễ	<i>Radix Angelicae pubescentis</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	1.884	
9	41	Khuông hoạt	Thân rễ, Rễ	<i>Rhizoma et Radix Notopterygii</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	369	
10	44	Mộc qua	Quả	<i>Fructus Chaenomelis speciosae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	95	
11	45	Ngũ gia bì chân chim	Vỏ thân	<i>Cortex Schefflerae heptaphyllae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	142	
12	47	Phòng phong	Rễ	<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	1.243	
13	50	Tang ký sinh	Toàn thân	<i>Herba Loranthe gracilifolii</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	5.720	
14	53	Tần giao	Rễ	<i>Radix Gentianae macrophyllae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	1.113	
15	54	Thiên niên kiện	Thân rễ	<i>Rhizoma Homalomenae occultae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	481	
		IV. Nhóm thuốc trừ hàn								-	
16	58	Can khương	Thân rễ	<i>Rhizoma Zingiberis</i>	Sao vàng	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	3	
		V. Nhóm hồi dương cứu nghịch								-	
17	68	Quế nhục	Vỏ thân	<i>Cortex Cinnamomi</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	3	
		VII. Nhóm thanh nhiệt giải độc								-	
18	78	Bồ công anh	Toàn thân	<i>Herba Lactucae indicae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	95	



Stt	STT TT05	Tên vị thuốc theo TT 05	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT	Nguồn gốc	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Ghi chú
19	84	Diệp hạ châu	Toàn cây	<i>Herba Phyllanthi urinariae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	20	
20	91	Kim ngân hoa	Nụ hoa	<i>Flos Lonicerae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	87	
21	92	Liên kiều	Quả	<i>Fructus Forsythiae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	50	
22	96	Sài đất	Toàn thân	<i>Herba Wedeliae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	130	
23	97	Thỏ phục linh	Thân rễ	<i>Rhizoma Smilacis glabrae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	692	
VIII. Nhóm thanh nhiệt tả hỏa											-
24	106	Huyền sâm	Rễ	<i>Radix Scrophulariae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	63	
25	109	Tri mẫu	Thân rễ	<i>Rhizoma Anemarrhenae</i>	Chích muối	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	28	
IX. Nhóm thanh nhiệt táo thấp											-
26	114	Hoàng bá	Vỏ thân	<i>Cortex Phellodendri</i>	Chích muối	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	110	
27	116	Hoàng cầm	Rễ	<i>Radix Scutellariae</i>	Chích rượu	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	124	
28	118	Hoàng liên	Thân rễ	<i>Rhizoma Coptidis</i>	Chích rượu	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	8	
29	124	Nhân trần	Toàn thân	<i>Herba Adenosmatis caerulei</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	32	
X. Nhóm thanh nhiệt lương huyết											-
30	133	Mẫu đơn bì	Vỏ rễ	<i>Cortex Paeoniae suffruticosae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	621	
31	135	Sinh địa	Rễ củ	<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	686	
32	137	Xích thược	Rễ	<i>Radix Paeoniae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	1.564	
XI. Nhóm thuốc trừ đàm											-
33	141	Bán hạ nam (Củ chóc)	Thân rễ	<i>Rhizoma Typhonii trilobati</i>	Chế gừng	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	93	
XII. Nhóm thuốc chỉ khái bình suyễn											-
34	156	Cát cánh	Rễ	<i>Radix Platycodi grandiflori</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	22	
35	157	Hạnh nhân	Hạt	<i>Semen Armeniacae amarum</i>	Sao vàng bỏ vỏ	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	17	
XIII. Nhóm thuốc bình can tức phong											-
36	171	Câu đằng	Cành	<i>Ramulus cum unco Uncariae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	116	
37	173	Địa long	Toàn thân	<i>Pheretima</i>	Tẩm rượu gừng	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	959	
38	176	Thiên ma	Thân rễ	<i>Rhizoma Gastrodiae elatae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	45	
XIV. Nhóm thuốc an thần											-
39	184	Phục thần	Thể quả nấm	<i>Poria</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	70	
40	185	Táo nhân	Hạt	<i>Semen Ziziphi mauritiana</i>	Sao đen	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	331	

Stt	STT TT05	Tên vị thuốc theo TT 05	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT	Nguồn gốc	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Ghi chú
41	187	Thảo quyết minh	Hạt	<i>Semen Cassiae torae</i>	Sao cháy	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	605	
42	189	Viễn chí	Rễ	<i>Radix Polygalae</i>	Sao cám	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	310	
		XVI. Nhóm thuốc hành khí								-	
43	195	Chi xác	Quả	<i>Fructus Aurantii</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	160	
44	198	Hương phụ	Thân rễ	<i>Rhizoma Cyperi</i>	Tứ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	337	
45	200	Mộc hương	Rễ	<i>Radix saussureae lappae</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	64	
46	205	Sa nhân	Quả	<i>Fructus Amomi</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	50	
47	208	Trần bì	Vỏ quả	<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	385	
		XVII. Nhóm thuốc hoạt huyết, khứ ứ								-	
48	211	Đan sâm	Rễ	<i>Radix Salviae miltiorrhizae</i>	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	1.941	
49	212	Đào nhân	Hạt	<i>Semen Pruni</i>	Sao vàng giữ vỏ	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	799	
50	213	Hồng hoa	Hoa	<i>Flos Carthami tinctorii</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	737	
51	216	Ích mẫu	Toàn thân	<i>Herba Leonuri japonici</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	88	
52	217	Kê huyết đằng	Thân	<i>Caulis Spatholobi</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	2.785	
53	218	Khuong hoàng/Uất kim	Thân rễ	<i>Rhizoma et Radix Curcumae longae</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	213	
54	221	Ngưu tất	Rễ	<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	3.750	
55	225	Tô mộc	Lõi gỗ	<i>Lignum sappan</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	55	
56	226	Xuyên khung	Thân rễ	<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	3.459	
		XVIII. Nhóm thuốc chỉ huyết								-	
57	230	Hòe hoa	Nụ hoa	<i>Flos Styphnolobii japonici</i>	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	685	
		XIX. Nhóm thuốc thẩm thấp lợi thủy								-	
58	236	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Thể quả nấm	<i>Poria</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	1.798	
59	245	Kim tiền thảo	Toàn thân	<i>Herba Desmodii styracifolii</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	43	
60	254	Trạch tả	Thân rễ	<i>Rhizoma Alismatis</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	607	
61	257	Xa tiền tử	Hạt	<i>Semen Plantaginis</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	23	
62	258	Ý dĩ	Hạt	<i>Semen Coicis</i>	Sao cám	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	85	
		XXI. Thuốc tả hạ, nhuận hạ								-	

Stt	STT TT05	Tên vị thuốc theo TT 05	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT	Nguồn gốc	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Ghi chú
63	262	Đại hoàng	Thân rễ	<i>Rhizoma Rhei</i>	Chích rượu	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	9	
		XXII. Nhóm thuốc hóa thấp tiêu đạo								-	
64	271	Hoắc hương	Toàn thân	<i>Herba Pogostemonis</i>	Sơ chế	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	10	
65	278	Sơn tra	Quả	<i>Fructus Mali</i>	Sao đen	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	32	
66	279	Thương truật	Thân rễ	<i>Rhizoma Atractylodis</i>	Sao vàng	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	13	
		XXIII. Nhóm thuốc thu liễm, cố sáp								-	
67	280	Khiếm thực	Hạt	<i>Semen Euryales</i>	Sao vàng	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	43	
68	282	Liên nhục	Hạt	<i>Semen Nelumbinis</i>	Sao vàng	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	13	
69	286	Ngũ vị tử	Quả	<i>Fructus Schisandrae</i>	Tẩm giấm	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	11	
70	290	Sơn thù	Quả	<i>Fructus Corni officinalis</i>	Tẩm rượu chung	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	580	
		XXV. Nhóm thuốc bổ huyết								-	
71	295	Bạch thược	Rễ	<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>	Sơ chế	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	1.454	
72	296	Đương quy (Toàn quy)	Rễ	<i>Radix Angelicae sinensis</i>	Chích rượu	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	3.207	
73	298	Hà thủ ô đỏ	Rễ củ	<i>Radix Fallopiae multiflorae</i>	Chế đậu đen	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	474	
74	299	Long nhãn	Áo hạt	<i>Arillus Longan</i>	Sơ chế	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	18	
75	301	Thục địa	Rễ củ	<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>	Chế gừng, sa nhân	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	1.909	
		XXVI. Nhóm thuốc bổ âm								-	
76	303	Câu kỷ tử	Quả	<i>Fructus Lycii</i>	Sơ chế	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	190	
77	305	Mạch môn	Rễ củ	<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>	Sơ chế	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	43	
78	311	Thiên môn đông	Rễ	<i>Radix Asparagi cochinchinensis</i>	Sơ chế	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	6	
		XXVII. Nhóm thuốc bổ dương								-	
79	315	Cẩu tích	Thân rễ	<i>Rhizoma Cibotii</i>	Chích rượu	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	25	
80	316	Cốt toái bồ	Thân rễ	<i>Rhizoma Drynariae</i>	Chích rượu	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	206	
81	319	Đỗ trọng	Vỏ thân	<i>Cortex Eucommiae</i>	Chích muối	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	2.815	
82	323	Nhục thung dung	Thân	<i>Herba Cistanches</i>	Chung rượu	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	7	
83	327	Tục đoạn	Rễ	<i>Radix Dipsaci</i>	Chích muối	ĐĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	386	
		XXVIII. Nhóm thuốc bổ khí								-	

Stt	STT TT05	Tên vị thuốc theo TT 05	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT	Nguồn gốc	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Ghi chú
84	328	Bạch truật	Thân rễ	<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>	Sao cám mật ong	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	358	
85	329	Cam thảo	Rễ	<i>Radix Glycyrrhizae</i>	Chích mật ong	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	651	
86	330	Đại táo	Quả	<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	170	
87	331	Đảng sâm	Rễ	<i>Radix Codonopsis</i>	Chích gừng	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	1.708	
88	333	Hoài sơn	Rễ củ	<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>	Sao cám	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	N	Kg	651	
89	334	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	Rễ	<i>Radix Astragali membranacei</i>	Sơ chế	DĐVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	B	Kg	3.873	
		Tổng cộng: 89 khoản								-	

*** Ghi chú:**

- Dấu "/" có nghĩa là "hoặc". Ví dụ: Khương hoàng/ Uất kim: Vị thuốc Khương hoàng hoặc vị thuốc Uất kim đều có thể tham dự.
- Tên vị thuốc: Tên trong dấu () là tên gọi khác của vị thuốc cổ truyền theo Dược điển Việt Nam V.
- Nguồn gốc của vị thuốc: ký hiệu "B" chỉ các vị thuốc được nuôi trồng khai thác từ nước ngoài; ký hiệu "N" chỉ các vị thuốc được nuôi, trồng hoặc khai thác trong nước.
- Phương pháp chế biến: áp dụng phương pháp chế biến theo Thông tư 14/2024/TT-BYT hoặc Thông tư 30/2017/TT-BYT. Đối với các vị thuốc chế biến theo Thông tư 30/2017/TT-BYT, nếu Công ty báo giá, thì vị thuốc đó phải đáp ứng đúng theo quy định tại điều 6 của Thông tư 14/2024/TT-BYT.
- + Sơ chế là một hoặc nhiều phương pháp sau: Lựa chọn/Ngâm/Ủ/Rửa/Phơi/Sấy/Thái phiến/Chặt/Cắt đoạn.



MẪU BẢNG BÁO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số: 402/TB-YHCT ngày 26 tháng 05 năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp)

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp

Căn cứ Thông báo số /TB-YHCT ngày 26 tháng 05 năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp về việc yêu cầu báo giá vị thuốc cổ truyền.

Công ty.....chúng tôi xin gửi đến Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp bảng báo giá cho các vị thuốc cổ truyền, với nội dung cụ thể như sau:

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

Điện thoại:.....

1. Báo giá cho các Vị thuốc cổ truyền (đã bao gồm thuế VAT, phí và các lệ phí khác):

ĐVT: đồng

Stt	STT TT05	Tên vị thuốc theo TT 05	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Nguồn gốc	Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT	Số giấy đăng ký lưu hành hoặc Số giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Đơn giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
		I. Nhóm phát tán phong hàn									
1	1	Bạch chi	Rễ củ	<i>Radix Angelicae dahuricae</i>	N			Nhóm 2		Kg	
2	4	Kinh giới	Toàn thân	<i>Herba Elsholiziae ciliatae</i>	N			Nhóm 2		Kg	
3	6	Quế chi	Cành	<i>Ramulus Cinnamomi</i>	N			Nhóm 2		Kg	
		II. Nhóm phát tán phong nhiệt									
4	17	Cúc hoa	Cụm hoa	<i>Flos Chrysanthemi indicis</i>	N			Nhóm 2		Kg	
5	27	Sài hồ	Rễ	<i>Radix Bupleuri</i>	B			Nhóm 2		Kg	
6	29	Thăng ma	Thân rễ	<i>Rhizoma Cimicifugae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
		III. Nhóm phát tán phong thấp									
7	35	Dây đau xương	Thân	<i>Caulis Tinosporae tomentosae</i>	N			Nhóm 2		Kg	
8	37	Độc hoạt	Rễ	<i>Radix Angelicae pubescentis</i>	B			Nhóm 2		Kg	
9	41	Khuong hoạt	Thân rễ, Rễ	<i>Rhizoma et Radix Notopterygii</i>	B			Nhóm 2		Kg	
10	44	Mộc qua	Quả	<i>Fructus Chaenomelis speciosae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
11	45	Ngũ gia bì chân chim	Vỏ thân	<i>Cortex Schefflerae heptaphyllae</i>	N			Nhóm 2		Kg	
12	47	Phòng phong	Rễ	<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
13	50	Tang ký sinh	Toàn thân	<i>Herba Loranthe gracilifolii</i>	N			Nhóm 2		Kg	
14	53	Tần giao	Rễ	<i>Radix Gentianae macrophyllae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
15	54	Thiên niên kiện	Thân rễ	<i>Rhizoma Homalomenae occultae</i>	N			Nhóm 2		Kg	
		IV. Nhóm thuốc trừ hàn									
16	58	Can khương	Thân rễ	<i>Rhizoma Zingiberis</i>	N			Nhóm 2		Kg	
		V. Nhóm hồi dương cứu nghịch									
17	68	Quế nhục	Vỏ thân	<i>Cortex Cinnamomi</i>	N			Nhóm 2		Kg	
		VII. Nhóm thanh nhiệt giải độc									
18	78	Bồ công anh	Toàn thân	<i>Herba Lactucaae indicae</i>	N			Nhóm 2		Kg	



Stt	STT TT05	Tên vị thuốc theo TT 05	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Nguồn gốc	Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT	Số giấy đăng ký lưu hành hoặc Số giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Đơn giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
19	84	Diệp hạ châu	Toàn cây	<i>Herba Phyllanthi urinariae</i>	N			Nhóm 2		Kg	
20	91	Kim ngân hoa	Nụ hoa	<i>Flos Lonicerae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
21	92	Liên kiều	Quả	<i>Fructus Forsythiae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
22	96	Sài đất	Toàn thân	<i>Herba Wedeliae</i>	N			Nhóm 2		Kg	
23	97	Thỏ phục linh	Thân rễ	<i>Rhizoma Smilacis glabrae</i>	N			Nhóm 2		Kg	
VIII. Nhóm thanh nhiệt tả hỏa											
24	106	Huyền sâm	Rễ	<i>Radix Scrophulariae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
25	109	Tri mẫu	Thân rễ	<i>Rhizoma Anemarrhenae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
IX. Nhóm thanh nhiệt táo thấp											
26	114	Hoàng bá	Vỏ thân	<i>Cortex Phellodendri</i>	B			Nhóm 2		Kg	
27	116	Hoàng cầm	Rễ	<i>Radix Scutellariae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
28	118	Hoàng liên	Thân rễ	<i>Rhizoma Coptidis</i>	B			Nhóm 2		Kg	
29	124	Nhân trần	Toàn thân	<i>Herba Adenosomatis caerulei</i>	N			Nhóm 2		Kg	
X. Nhóm thanh nhiệt lương huyết											
30	133	Mẫu đơn bì	Vỏ rễ	<i>Cortex Paeoniae suffruticosae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
31	135	Sinh địa	Rễ củ	<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
32	137	Xích thược	Rễ	<i>Radix Paeoniae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
XI. Nhóm thuốc trừ đàm											
33	141	Bán hạ nam (Củ chóc)	Thân rễ	<i>Rhizoma Typhonii trilobati</i>	N			Nhóm 2		Kg	
XII. Nhóm thuốc chỉ khái bình suyễn											
34	156	Cát cánh	Rễ	<i>Radix Platycodi grandiflori</i>	B			Nhóm 2		Kg	
35	157	Hạnh nhân	Hạt	<i>Semen Armeniacae amarum</i>	B			Nhóm 2		Kg	
XIII. Nhóm thuốc bình can tức phong											
36	171	Câu đằng	Cành	<i>Ramulus cum unco Uncariae</i>	N			Nhóm 2		Kg	
37	173	Địa long	Toàn thân	<i>Pheretima</i>	N			Nhóm 2		Kg	
38	176	Thiên ma	Thân rễ	<i>Rhizoma Gastrodiae elatae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
XIV. Nhóm thuốc an thần											
39	184	Phục thần	Thể quả nấm	<i>Poria</i>	B			Nhóm 2		Kg	
40	185	Táo nhân	Hạt	<i>Semen Ziziphi mauritiana</i>	B			Nhóm 2		Kg	
41	187	Thảo quyết minh	Hạt	<i>Semen Cassiae torae</i>	N			Nhóm 2		Kg	
42	189	Viễn chí	Rễ	<i>Radix Polygalae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
XVI. Nhóm thuốc hành khí											
43	195	Chỉ xác	Quả	<i>Fructus Aurantii</i>	N			Nhóm 2		Kg	
44	198	Hương phụ	Thân rễ	<i>Rhizoma Cyperi</i>	N			Nhóm 2		Kg	
45	200	Mộc hương	Rễ	<i>Radix saussureae lappae</i>	B			Nhóm 2		Kg	

Stt	STT TT05	Tên vị thuốc theo TT 05	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Nguồn gốc	Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT	Số giấy đăng ký lưu hành hoặc Số giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Đơn giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
46	205	Sa nhân	Quả	<i>Fructus Amomi</i>	N			Nhóm 2		Kg	
47	208	Trần bì	Vỏ quả	<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>	N			Nhóm 2		Kg	
		XVII. Nhóm thuốc hoạt huyết, khứ ứ									
48	211	Đan sâm	Rễ	<i>Radix Salviae miltiorrhizae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
49	212	Đào nhân	Hạt	<i>Semen Pruni</i>	B			Nhóm 2		Kg	
50	213	Hồng hoa	Hoa	<i>Flos Carthami tinctorii</i>	B			Nhóm 2		Kg	
51	216	Ích mẫu	Toàn thân	<i>Herba Leonuri japonici</i>	N			Nhóm 2		Kg	
52	217	Kê huyết đằng	Thân	<i>Caulis Spatholobi</i>	N			Nhóm 2		Kg	
53	218	Khuông hoàng/Uất kim	Thân rễ	<i>Rhizoma et Radix Curcumae longae</i>	N			Nhóm 2		Kg	
54	221	Ngưu tất	Rễ	<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
55	225	Tô mộc	Lõi gỗ	<i>Lignum sappan</i>	N			Nhóm 2		Kg	
56	226	Xuyên khung	Thân rễ	<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>	B			Nhóm 2		Kg	
		XVIII. Nhóm thuốc chỉ huyết									
57	230	Hòe hoa	Nụ hoa	<i>Flos Styphnolobii japonici</i>	N			Nhóm 2		Kg	
		XIX. Nhóm thuốc thẩm thấp lợi thủy									
58	236	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Thê quả nấm	<i>Poria</i>	B			Nhóm 2		Kg	
59	245	Kim tiền thảo	Toàn thân	<i>Herba Desmodii styracifolii</i>	N			Nhóm 2		Kg	
60	254	Trạch tả	Thân rễ	<i>Rhizoma Alismatis</i>	N			Nhóm 2		Kg	
61	257	Xa tiền tử	Hạt	<i>Semen Plantaginis</i>	B			Nhóm 2		Kg	
62	258	Ý dĩ	Hạt	<i>Semen Coicis</i>	N			Nhóm 2		Kg	
		XXI. Thuốc tả hạ, nhuận hạ									
63	262	Đại hoàng	Thân rễ	<i>Rhizoma Rhei</i>	B			Nhóm 2		Kg	
		XXII. Nhóm thuốc hóa thấp tiêu đạo									
64	271	Hoắc hương	Toàn thân	<i>Herba Pogostemonis</i>	N			Nhóm 2		Kg	
65	278	Son tra	Quả	<i>Fructus Mali</i>	N			Nhóm 2		Kg	
66	279	Thương truật	Thân rễ	<i>Rhizoma Atractylodis</i>	B			Nhóm 2		Kg	
		XXIII. Nhóm thuốc thu liễm, cố sáp									
67	280	Khiết thực	Hạt	<i>Semen Euryales</i>	B			Nhóm 2		Kg	
68	282	Liên nhục	Hạt	<i>Semen Nelumbinis</i>	N			Nhóm 2		Kg	
69	286	Ngũ vị tử	Quả	<i>Fructus Schisandrae</i>	N			Nhóm 2		Kg	
70	290	Son thù	Quả	<i>Fructus Corni officinalis</i>	B			Nhóm 2		Kg	
		XXV. Nhóm thuốc bổ huyết									
71	295	Bạch thực	Rễ	<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
72	296	Đương quy (Toàn quy)	Rễ	<i>Radix Angelicae sinensis</i>	B			Nhóm 2		Kg	

Stt	STT TT05	Tên vị thuốc theo TT 05	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Nguồn gốc	Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT	Số giấy đăng ký lưu hành hoặc Số giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Đơn giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
73	298	Hà thủ ô đỏ	Rễ củ	<i>Radix Fallopiae multiflorae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
74	299	Long nhãn	Áo hạt	<i>Arillus Longan</i>	N			Nhóm 2		Kg	
75	301	Thục địa	Rễ củ	<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>	N			Nhóm 2		Kg	
		XXVI. Nhóm thuốc bổ âm									
76	303	Câu kỷ tử	Quả	<i>Fructus Lycii</i>	B			Nhóm 2		Kg	
77	305	Mạch môn	Rễ củ	<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>	B			Nhóm 2		Kg	
78	311	Thiên môn đông	Rễ	<i>Radix Asparagi cochinchinensis</i>	N			Nhóm 2		Kg	
		XXVII. Nhóm thuốc bổ dương									
79	315	Cẩu tích	Thân rễ	<i>Rhizoma Cibotii</i>	N			Nhóm 2		Kg	
80	316	Cốt toái bồ	Thân rễ	<i>Rhizoma Drynariae</i>	N			Nhóm 2		Kg	
81	319	Đỗ trọng	Vỏ thân	<i>Cortex Eucommiae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
82	323	Nhục thung dung	Thân	<i>Herba Cistanches</i>	B			Nhóm 2		Kg	
83	327	Tục đoạn	Rễ	<i>Radix Dipsaci</i>	N			Nhóm 2		Kg	
		XXVIII. Nhóm thuốc bổ khí									
84	328	Bạch truật	Thân rễ	<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
85	329	Cam thảo	Rễ	<i>Radix Glycyrrhizae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
86	330	Đại táo	Quả	<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>	B			Nhóm 2		Kg	
87	331	Đảng sâm	Rễ	<i>Radix Codonopsis</i>	B			Nhóm 2		Kg	
88	333	Hoài sơn	Rễ củ	<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>	N			Nhóm 2		Kg	
89	334	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	Rễ	<i>Radix Astragali membranacei</i>	B			Nhóm 2		Kg	
		Tổng cộng: khoản									

2. Thời gian hiệu lực của báo giá:(ít nhất là 120 ngày kể từ ngày ký).

3. Công ty Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ hình doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày..... Tháng..... năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

*** Ghi chú:**

1. Các cột số (7), (8), (10), 12: Công ty ghi đúng theo giấy đăng ký lưu hành và tương ứng với Vị thuốc cổ truyền tại phụ lục yêu cầu báo giá của Bệnh viện.
2. Cột số (7): Đối với các vị thuốc chế biến theo Thông tư 30/2017/TT-BYT, nếu Công ty báo giá, thì vị thuốc đó phải đáp ứng đúng theo qui định tại điều 6 của Thông tư 14/2024/TT-BYT.